TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2018/DS-ST
Ngày: 20-7-2018
V/v: tranh chấp bồi thường thiệt hại về tính mạng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hồng Tư

2. Ông Trần Minh Đáng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 82/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tính mạng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị M**, sinh năm 1986
Địa chỉ: K 1, P 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Kim N**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

31. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953

3.2. Bà Lý Mỹ H, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ và Lý Mỹ H: Chị Võ Thị M, sinh năm 1986

Địa chỉ: K 1, P 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2017 *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 02 năm 2018, nguyên đơn, chị Võ Thị M, trình bày: Vào ngày 09 tháng 01 năm 2017, chồng chị Võ Thị M là anh Nguyễn Văn C điều khiển xe môtô biển kiểm soát 94F1 – 1738, trên đoạn đường đi công tác từ B về Bạc Liêu, có xảy ra va chạm với xe môtô biển kiểm soát 61U1 – 5740 do anh Đỗ Kim N điều khiển, hậu quả làm anh C tử vong. Sau khi điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc

Liêu đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 08/QĐ-CQĐT ngày 10 tháng 3 năm 2017. Nay chị M yêu cầu anh N phải bồi thường các khoản tiền sau đây: Hòm, đồ liệm: 39.500.000 đồng; vật tư làm mả (mộ): 15.050.000 đồng; công thợ làm mả: 7.450.000 đồng; tiền thuê xe nhận xác về và đưa tang: 3.000.000 đồng; đồ nấu, nước suối phục vụ đám, rạp, kèn tây, nhạc lễ, đạo tỳ, dẫn vong, cáo phó, mở cửa mả, tuần 07 ngày: 72.750.000 đồng; tiền mất thu nhập của anh C: 288.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho vợ, con và cha mẹ anh C: 60 tháng lương x 1.300.000 đồng/tháng x 03 = 234.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con anh C là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011: 151 tháng 16 ngày x 1.300.000 đồng = 169.993.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền công thợ làm mả: 2.450.000 đồng; tiền thuê xe nhận xác về và đưa tang: 3.000.000 đồng; đồ nấu, nước suối phục vụ đám, rạp, kèn tây, nhạc lễ, đạo tỳ, dẫn vong, cáo phó, mở cửa mả, tuần 07 ngày: 72.750.000 đồng; tiền mất thu nhập của anh C: 288.000.000 đồng. Chị M yêu cầu anh N phải bồi thường các khoản tiền gồm: Hòm, đồ liệm: 39.500.000 đồng; vật tư làm mả: 15.050.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho vợ, con và cha mẹ anh C: 60 tháng lương x 1.300.000 đồng/tháng x 03 = 234.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con anh C là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011: 151 tháng 16 ngày x 1.300.000 đồng = 169.993.000 đồng; tổng cộng 458.543.000 đồng.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, anh Đỗ Kim N: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ anh N đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi để ghi nhận ý kiến của anh N đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, nhưng anh N đi làm ăn xa, vào dịp lễ, Tết hoặc giỗ thì về địa phương, gia đình và địa phương không biết địa chỉ cụ thể, không thể liên lạc được nên không có ý kiến, yêu cầu của anh N. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 591, 601 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc anh N phải bồi thường thiệt hại

về tính mạng do tính mạng của chồng chị M là anh C bị xâm phạm với số tiền 111.426.500 đồng và buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011, mỗi tháng 400.000 đồng, kể từ xảy ra tai nạn là ngày 09 tháng 01 năm 2017 cho đến khi cháu K 18 tuổi. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị M đối với các khoản tiền chị M rút yêu cầu. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại về sức khỏe; hiện nay, anh N đang sinh sống ở địa chỉ ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của chị M đối với anh N nhưng anh N đều vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để triệu tập anh N tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh N lại tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09 tháng 01 năm 2017, tại khu vực ấp Đ, xã E, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đã xảy ra vụ va chạm giữa xe môtô mang biển kiểm soát 94F1 – 1738 do anh C (là chồng chị M) điều khiển với xe môtô biển kiểm soát 61U1 – 5740 do anh N điều khiển; hậu quả làm anh C chết do bị chấn thương sọ não là có xảy ra trên thực tế.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 08/QĐ-CSĐT-ĐTTTH, do không chứng minh được lỗi vi phạm của anh N nên hành vi của anh N không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, anh N là người trực tiếp điều khiển xe môtô biển kiểm soát 61U1 – 5740, là nguồn nguy hiểm cao độ nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo quy định tại khoản 3 Điều 601 Bộ luật Dân sự.

Tại Công văn số 73/CV-CQĐT-ĐTTH ngày 18 tháng 7 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cũng xác định quá trình điều tra không chứng minh được lỗi vi phạm của anh N và trường hợp của anh C cũng không xác định được lỗi vi phạm do không xác định được điểm va chạm (không xác định được phần đường xảy ra va chạm giữa xe 61U1 – 5740 và xe 94F1 – 1738). Tuy nhiên, hành vi điều khiển xe môt ô 61U1 – 5740 của anh N không có giấy chứng nhận đăng ký xe, không có giấy phép lái xe đã vi phạm vào điểm a khoản 3 Điều 17 và điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; đối với anh C điều khiển xe 94F1 – 1738 khi trong người có nồng độ cồn 2,28g/l vượt quá giới hạn quy định. Như vậy, có cơ sở xác định anh N và anh C đều có lỗi vi phạm hành chính trong vụ va chạm giữa hai xe môtô nói trên dẫn đến anh C tử vong và mức độ lỗi được xác định là 50:50 cho mỗi bên nên anh N phải có trách nhiệm bồi thường ½ thiệt hại cho gia đình anh C.

Căn cứ theo quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015và tinh thần của mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì những khoản tiền chị Mén yêu cầu bồi thường, được chấp nhận gồm: Chi phí hợp lý cho việc mai táng gồm các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và chi phí khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung (không bao gồm cả chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, …); tiền cấp dưỡng cho con chưa đủ mười tám tuổi mà anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần.

Xét các khoản thiệt hại mà chị M yêu cầu anh N phải bồi thường, thấy rằng: Đối với khoản tiền chi phí mai táng, trong khoản tiền 39.500.000 đồng chị M yêu cầu bồi thường thì khoản tiền coi thầy 100.000 đồng không được chấp nhận và tiền mua hòm 36.000.000 đồng là quá cao, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận ½ giá trị là 18.000.000 đồng, nên chi phí mai táng được xác định bằng 21.400.000 đồng và anh N có trách nhiệm bồi thường ½ bằng 21.400.000 đồng : 2 = 10.700.000 đồng.

Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, chị M yêu cầu bồi thường cho chị M, cháu K và cha mẹ anh C với mức bồi thường 60 tháng lương x 1.300.000 đồng/tháng x 03 = 234.000.000 đồng, là có cở sở theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh N phải bồi thường ½ khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần bằng ½ x 234.000.000 đồng = 117.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền vật tư xây mả cho anh C, mặc dù theo tinh thần của mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì chi phí hợp lý cho việc mai táng không bao gồm chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, nhưng theo tập quán tại địa phương và thực tế anh C được mai táng theo hình thức chôn cất, xây mả. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc anh N có trách nhiệm hỗ trợ ½ của ½ giá trị tiền vật tư làm mả, bằng ½ x (½ x 15.050.000 đồng) = 3.762.500 đồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng cho con chưa đủ mười tám tuổi mà anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011; xét thấy, anh C là cha của cháu K, khi còn sống thì anh C phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu K nên khi anh C chết do tai nạn thì anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K theo mức độ lỗi của anh N, bằng ½ mức cấp dưỡng không thấp hơn ½ mức lương tối thiểu tại thời điểm cấp dưỡng, bằng ½ x 800.000 đồng/tháng = 400.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xảy ra tại nạn tính đến ngày xảy ra tai nạn là ngày 09 tháng 01 năm 2017 cho đến khi cháu K 18 tuổi.

Chị M xác định khi gia đình tổ chức đám tang cho anh C, anh N đã hỗ trợ chi gia đình chị M số tiền 20.000.000 đồng và chị M đồng ý đối trừ số tiền này vào số tiền anh N có trách nhiệm bồi thường nên tổng số tiền anh N có trách nhiệm bồi thường và hỗ trợ cho gia đình anh C do chị M đại diện nhận là: (10.700.000 đồng + 117.000.000 đồng + 3.762.500 đồng) - 20.000.000 đồng = 111.462.500 đồng và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 400.000 đồng, kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2017 cho đến khi cháu K 18 tuổi.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của chị M đối với anh N được chấp nhận một phần nên anh N phải chịu án phí trên số tiền có trách nhiệm bồi thường, bằng 5% x 111.462.500 đồng = 5.573.125 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Chị M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu bồi thường nhưng không được chấp nhận do chị M yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên được miễn nộp án phí.

Tại phiên tòa, chị M có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh N phải bồi thường các khoản tiền công thợ làm mả; chi phí nấu ăn, nước suối phục vụ đám tang, kèn tây, nhạc lễ, đạo tỳ, dẫn vong, mở cửa mả, cúng tuần 07 ngày; tiền thuê xe nhận xác về và đưa tang và tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Văn C với tổng số tiền 366.200.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị M là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị M đối với anh N về việc yêu cầu anh N phải bồi thường cho gia đình chị M các khoản tiền công thợ làm mả; chi phí nấu ăn, nước uống phục vụ đám tang, kèn tây, nhạc lễ, đạo tỳ, dẫn vong, mở cửa mả, cúng tuần 07 ngày; tiền thuê xe nhận xác về và đưa tang và tiền mất thu nhập của anh C với tổng số tiền 366.200.000 đồng.

[3] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 591, 601 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M đối với Đỗ Kim N về việc yêu cầu anh Đỗ Kim N phải bồi thường thiệt hại về tính mạng cho anh Nguyễn Văn C.

Buộc anh Đỗ Kim N có trách nhiệm bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn C (do chị Võ Thị M đại diện nhận) số tiền 111.462.500 đồng (một trăm mười một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Buộc anh Đỗ Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2011, mỗi tháng 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2017 cho đến khi cháu Nguyễn Đăng K 18 (mười tám) tuổi.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M đối với anh Đỗ Kim N về việc yêu cầu anh Đỗ Kim N phải bồi thường cho gia đình chị Võ Thị M các khoản tiền công thợ làm mả; chi phí nấu ăn, nước uống phục vụ đám tang, kèn tây, nhạc lễ, đạo tỳ, dẫn vong, mở cửa mả, cúng tuần 07 ngày; tiền thuê xe nhận xác về và đưa tang và tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Văn C với tổng số tiền 366.200.000 đồng (ba trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Đỗ Kim N phải nộp 5.573.125 đồng (năm triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị Đỗ Thị M.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Xuyến